TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **124/**2021/HS - ST
Ngày: 06/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt
2. Bà Đinh Kim Hoàng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Quế Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Ông Võ Kế Út – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 97/2021/TLST – HS ngày 10 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 506/2021/QĐXXST – HS ngày 22 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ **Trần Thị M**, sinh ngày 20 tháng 3 năm 1997 tại Kiên Giang; hộ khẩu thường trú: ấp T1, xã TT, huyện T, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Phòng 502, nhà số 206 T, Phường X, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Bán hàng qua mạng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh S, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Út N, sinh năm 1979; chưa có chồng, con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị bắt, tạm giam ngày 29/8/2020, "Có mặt".

2/ **Phạm Thị Ngọc Q**, sinh ngày 02 tháng 3 năm 1996 tại TP. Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 33/20 khu phố B, phường C, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Phòng 502, nhà số 206 T, Phường X, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Bán hàng qua mạng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D, sinh năm 1957 và bà Hà Thị M, sinh năm 1956; chung sống như vợ chồng với ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1988 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn và có 01 con chung sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị bắt, tạm giam ngày 29/8/2020, "Có mặt".

3/ **Nguyễn Hữu L**, sinh ngày 30 tháng 5 năm 1997 tại tỉnh Đồng Tháp; hộ khẩu thường trú: 338/5 L, Khóm D, Phường D, thành phố SĐ, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Phòng 502, nhà số 206 T, Phường X, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1972 và bà Trần Kim V, sinh năm 1970 (đã chết); chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị bắt, tạm giam ngày 29/8/2020, "Có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Thị M, Phạm Thị Ngọc Q và Nguyễn Hữu L cùng thuê Phòng 502 của căn nhà số 206 Tôn Đản, Phường 8, Quận 4 để ở. Ngày 28/8/2020, M, Q và L chuyển đồ dùng đến, Nguyễn Phương T(là bạn trai của My) cùng đến phụ. Sau khi dọn nhà xong, M, Q, L rủ một số bạn bè đến nhà ăn uống gồm: Oách TT, Đặng Thị Hoài Th, Ngô Nguyễn Ph.Th, Ngô Thị Thúy V, Trà Tú X, Yu Chun-Yi. Cả nhóm 10 (mười) người cùng nhau ăn uống, đến khoảng 23 giờ ngày 28/8/2020 thì tất cả thống nhất hùn mỗi người 300.000 đồng mua ma túy về sử dụng. Sau khi góp được 2.700.000 đồng (riêng Lạc không góp do khó khăn), Thắng điện thoại đến số 0923377738 tên "Thuận K" hỏi mua ma túy "hàng khay". Sau khi mua được ma túy, T đưa cho M đổ ra đĩa để mọi người cùng sử dụng. Khoảng 04 giờ 30 phút, ngày 29/8/2020, Công an Phường X, Quận Y kiểm tra hành chính Phòng 502 nhà số 206 T, Phường X, Quận Y thì phát hiện 10 (mười) đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy; trên 01 (một) đĩa màu trắng bên trên có chứa ma túy nên Công an đã thu giữ, đưa các đối tượng về trụ sở Công an Phường X, Quận Y, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Thị M, Phạm Thị Ngọc Q và Nguyễn Hữu L. Qua thử test, cả 10 (mười) đối tượng trên đều có sử dụng ma túy.

Ngày 03/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 4 khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Thị M, Phạm Thị Ngọc Q và Nguyễn Hữu L về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy". Do số ma túy còn lại không đủ khối lượng để xử lý Trần Thị M; Phạm Thị Ngọc Q, Nguyễn Phương Thắng, Oách TT, Đặng Thị Hoài Th, Ngô Nguyễn Ph.Th, Ngô Thị Thúy V, Trà Tú X, Yu Chun-Yi, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Đối với đối tượng tên "Thuận K" bán ma túy, do không xác định được nhân thân, lai lịch. Xác minh số điện thoại 0923377738 đến nay chưa có kết quả, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 4 tiếp tục xác minh, khi nào đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Tại bản kết luận giám định số 1525/KLGĐ - H ngày 04/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Bột màu trắng trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Trần Thị M, Nguyễn Phương T và hình dấu Công an Phường X, Quận Y là ma túy ở thể rắn, khối lượng 0,2374g (không phẩy hai ba bảy bốn gam), loại Ketamine.

Tại Cáo trạng số 93/CT – VKS ngày 07/5/2021 Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 truy tố các bị cáo Trần Thị M, Phạm Thị Ngọc Q và Nguyễn Hữu L phạm tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Trần Thị M, Phạm Thị Ngọc Q và Nguyễn Hữu L có lời khai thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, Kết luận điều tra và Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trần Thị M, Phạm Thị Ngọc Q và Nguyễn Hữu L về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt các bị cáo: Trần Thị M, Phạm Thị Ngọc Q, Nguyễn Hữu L từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an Quận 4, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai các bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Qua lời khai của các bị cáo, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như kết luận giám định có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 04 giờ 30 phút, ngày 29/8/2020, Công an Phường 8, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh phát hiện Trần Thị M, Phạm Thị Ngọc Q và Nguyễn Hữu L sử dụng Phòng 502 nhà số 206 T, Phường X, Quận Y do mình cư trú quản lý, để sử dụng ma túy trái phép cùng với 07 đối tượng gồm: Nguyễn Phương Th, Oách TT, Đặng Thị Hoài Th, Ngô Nguyễn Ph.Th, Ngô Thị Thúy V, Trà Tú X và Yu Chun-Yi, thì bị bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo Trần Thị M, Phạm Thị Ngọc Q và Nguyễn Hữu L đã đủ yếu tố cấu thành tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 đối với hành vi của bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Đây là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn khác, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Các bị cáo biết rõ hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện, đây là vụ án có đồng phạm và hành vi phạm tội của các bị cáo M, Q, L đều như nhau. Các bị cáo đã sử dụng nơi ở do mình quản lý để chứa chấp cho 07 đối tượng khác cùng sử dụng trái phép chất ma túy, do khối lượng chất ma túy còn lại không đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" nên các đối tượng trên đã bị Cơ quan Công an trích hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Xét về nhân thân, lai lịch của các bị cáo Trần Thị M, Phạm Thị Ngọc Q và Nguyễn Hữu L: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự nhưng với hành vi phạm tội như trên thì cần có mức hình phạt thật nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Xét, các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu. Riêng bị cáo Phạm Thị Ngọc Q có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như biên bản xác minh tại nơi có hộ khẩu thường trú thì kết quả trả lời bị cáo Quyên không là người trực tiếp nuôi con, con của bị cáo từ trước đến nay được giao cho mẹ ruột (là bà ngoại của trẻ) trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xem xét các

tình tiết nêu trên để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1- khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy do các bị cáo Trần Thị M, Phạm Thị Ngọc Q và Nguyễn Hữu L đều có hoàn cảnh khó khăn nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) gói niêm phong ghi số vụ 1525 là ma túy còn lại sau giám định. Xét, ma túy là chất độc hại không sử dụng được và cấm lưu hành nên tịch thu, tiêu hủy.

- 01 (một) đĩa màu trắng, hình tròn; 01 (một) thẻ hình chữ nhật màu đen dùng để sử dụng ma túy; 01 (một) ống hình trụ đường kính 0,5cm, dài 13cm bằng giấy dùng để sử dụng ma túy. Xét, đây là dụng cụ mà các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, là vật không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- Tạm giữ của Trần Thị M: 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh rêu, đã qua sử dụng và số tiền 2.500.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo My khai nhận chiếc điện thoại dùng để liên lạc cá nhân và số tiền trên là tài sản riêng của bị cáo. Xét, đây là tài sản cá nhân và không liên quan đến hành vi phạm tội nên giao trả lại cho Trần Thị M.

- Tạm giữ của Phạm Thị Ngọc Q: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đỏ, đã qua sử dụng. Xét, Tại phiên tòa bị cáo Q khai nhận đây là điện thoại dùng để liên lạc cá nhân. Xét, đây là tài sản cá nhân và không liên quan đến hành vi phạm tội nên giao trả lại cho Phạm Thị Ngọc Q.

- Tạm giữ của Nguyễn Hữu L: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu bạc, đã qua sử dụng. Tại phiên tòa bị cáo Lạc khai nhận đây là điện thoại dùng để liên lạc cá nhân. Xét, đây là tài sản cá nhân và không liên quan đến hành vi phạm tội nên giao trả lại cho Nguyễn Hữu L.

[5] Về án phí HSST: Mỗi bị cáo Trần Thị M, Phạm Thị Ngọc Q, Nguyễn Hữu L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1- khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Trần Thị M 08 (tám) năm tù về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 8 năm 2020.

Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1- khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Phạm Thị Ngọc Q 08 (tám) năm tù về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 8 năm 2020.

Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1- khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Nguyễn Hữu L 08 (tám) năm tù về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 8 năm 2020.

Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong ghi vụ ghi số vụ 1525 bên trong có chứa chất ma túy còn lại sau giám định; 01 (một) đĩa màu trắng, hình tròn; 01 (một) thẻ hình chữ nhật màu đen và 01 (một) ống hình trụ đường kính 0,5cm, dài 13cm bằng giấy.

+ Giao trả lại Trần Thị M 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu xanh rêu, đã qua sử dụng và số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng, nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Giao trả lại Phạm Thị Ngọc Q 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đỏ, đã qua sử dụng.

+ Giao trả lại Nguyễn Hữu L 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu bạc, đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng số 123 ngày 21/9/2021 giữa Công an Quận 4 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4; Giấy nộp tiền vào tài khoản Kho bạc nhà nước Quận 4 do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 04 lập ngày 09/02/2021).

- Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Trần Thị M, Phạm Thị Ngọc Q, Nguyễn Hữu L, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các bị cáo; (3)
- CA TP. HCM ; (1)
- TAND TP. HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP. HCM; (1)
- VKSND Quận 4; (2)
- Công An Quận 4; (1)
- Trại tạm giam PC - 81B (1)
- Chi cục THADS Quận 4; (1)
- Chi cục THAHS Quận 4; (3)
- Lưu VT, hồ sơ. (2)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương Thúy